TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/DS-ST
Ngày: 30-6-2025
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Trọng Hiếu

2/ Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Ông Phạm Quốc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2025/TLST-DS, ngày 03 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ: số A L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Ngọc V – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C

Địa chỉ: khu A thị trấn C huyện C, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: bà Trần Thị G, sinh năm: 1983

Địa chỉ: ấp H xã L huyện C, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1973;

3.2/ Bà Nguyễn Trúc M, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Ngân hàng C – *Phòng giao dịch* Ngân hàng chính sách xã hội huyện C *(gọi tắt là Ngân hàng)* - *ông* Châu Ngọc V - *trình bày:*

Bà Trần Thị G và ông Nguyễn Văn T1 là vợ chồng, bà Nguyễn Trúc M là con của bà G và ông T1. Bà G hiện là tổ viên của Tổ tiết kiệm và vay vốn do bà Lê Thị T2 làm Tổ trưởng của ấp H xã L, do Hội Phụ nữ xã L Tây quản lý.

Ngày 04/01/2021 ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Trúc M ủy quyền cho bà Trần Thị G đại diện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH theo quy định dưới sự chứng kiến của Trưởng ấp và được UBND xã L xác nhận.

Bà G có vay tiền của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C các khoản vay sau:

- Ngày 12/01/2021 bà Trần Thị G có ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C theo chương trình cho vay Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn (mã vay 6600000719482127) số tiền là 25.000.000 đồng, lãi suất 6,6%/năm, lãi suất nợ quá hạn: 13% lãi suất cho vay, thời hạn vay 40 tháng, kỳ trả nợ: 6 tháng/lần, số tiền trả nợ: 12.500.000 đồng/lần, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 15, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15/5/2024 mục đích vay là chi phí học tập cho sinh viên Nguyễn Trúc M (dự kiến ra trường vào tháng 5/2022).

Từ khi vay cho đến nay bà G, ông T1, bà M chỉ trả được số tiền gốc là 2.500.000 đồng và tiền lãi 5.221.227 đồng.

Đối với khoản vay này từ ngày 15/5/2024 đã chuyển nợ quá hạn do bà G, ông T1, bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Hiện nay nợ gốc còn lại: 22.500.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 30/6/2025 là: 2.574.132 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/7/2025 cho đến khi thanh toán xong theo mức thỏa thuận trong hợp đồng.

- Ngoài ra vào ngày 15/3/2021 bà Trần Thị G có ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C theo chương trình cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (mã vay 6600000719809372) số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất: 09%/năm, lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn vay: 60 tháng, kỳ hạn trả nợ: 06 tháng/lần, số tiền trả: 2.000.000 đồng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15/3/2026, tiền lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 15, mục đích xây dựng công trình nước sạch và nhà vệ sinh.

Từ khi vay cho đến nay bà G, ông T1, bà M có trả tiền lãi cho Ngân hàng được 5.404.936 đồng tuy nhiên chưa thanh toán được khoản tiền gốc nào.

Đối với khoản vay này Ngân hàng yêu cầu bà G, ông T1, bà M có trách nhiệm liên đới hoàn trả nợ gốc còn lại: 20.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày

30/6/2025: 2.401.647 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/7/2025 cho đến khi thanh toán xong theo mức thỏa thuận trong hợp đồng.

Tài sản đảm bảo tiền vay: NHCSXH thực hiện cho vay tín chấp ủy thác qua Hội Phụ nữ xã L, do đó bà Trần Thị G không có thế chấp tài sản tại PGD NHCSXH huyện C.

Ngân hàng C đã nhiều lần phối hợp với các ban ngành của địa phương vận động nhiều lần nhưng phía gia đình bà G không có động thái trả tiền.

Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị G, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Trúc M có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ và tiền lãi:

Khoản vay Học sinh sinh viên tạm tính đến ngày Tòa án xét xử (ngày 30/6/2025) là 25.074.132 đồng (trong đó tiền gốc là 22.500.000 đồng và tiền lãi là 2.574.132 đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/7/2025 cho đến khi thanh toán xong theo mức thỏa thuận trong hợp đồng.

Khoản vay Nước sạch vệ sinh môi trường tạm tính đến ngày Tòa án xét xử (ngày 30/6/2025) là 22.401.647 đồng (trong đó tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 2.401.647 đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/7/2025 cho đến khi thanh toán xong theo mức thỏa thuận trong hợp đồng.

Ngoài 02 khoản vay trên thì Ngân hàng không còn cho bà G, ông T1, bà M vay số tiền nào khác.

Bị đơn bà Trần Thị G*, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông* Nguyễn Văn T1*, bà* Nguyễn Trúc M *vắng mặt tại phiên toà, không có bản tự khai nội dung sự việc.*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục tống đạt về việc thụ lý vụ án cho bà G, ông T1, bà M biết Tòa án có thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo đơn khởi kiện của Ngân hàng C nhưng bà G, ông T1, bà M không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc Ngân hàng khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt.

Về nội dung tranh chấp: căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 292, 317, 323, 103, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng, Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C1, cụ thể:

Buộc bà G, ông T1 và chị Nguyễn Trúc M trả tổng số nợ tạm tính đến ngày 20/02/2025 là 45.993.799 đồng gồm dư nợ vay theo hợp đồng tín dụng là

42.500.000 đồng, nợ lãi 3.493.799 đồng. Bà G, ông T1 và chị M tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đến khi thanh toán xong nợ.

Về án phí: đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng C khởi kiện bà Trần Thị G, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Trúc M yêu cầu hoàn trả tiền vay và tiền lãi xuất phát từ Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 12/01/2021 và ngày 15/3/2021 làm phát sinh quan hệ "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

Do bà Trần Thị G, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Trúc M có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên khi có yêu cầu khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm – quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205, 207 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không tiến hành hoà giải được do vắng mặt đương sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại biên bản xác minh của Công an xã L xác nhận bà Trần Thị G, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Trúc M có hộ khẩu thường trú tại ấp H xã L, huyện C, hiện đang sinh sống tại địa phương. Do đó Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bà G, ông T1, bà M. Bà G, ông T1, bà M đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có lời trình bày hay ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, ông Châu Ngọc V đại diện Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông V, bà G, ông T1, bà M.

[2] Về nội dung:

Đối với khoản vay theo chương trình cho vay Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn thì thấy:

Ngày 12/01/2021 bà Trần Thị G có ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C theo chương trình cho vay Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn (mã vay 6600000719482127) số tiền là 25.000.000 đồng, lãi suất 6,6%/năm, lãi suất nợ quá hạn: 13% lãi suất cho vay, thời hạn vay 40 tháng, kỳ trả nợ: 6 tháng/lần, số tiền trả nợ: 12.500.000 đ/lần, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 15, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15/5/2024 mục đích vay là chi phí học tập cho sinh viên Nguyễn Trúc M (dự kiến ra trường vào tháng 5/2022).

Từ khi vay cho đến nay bà G, ông T1, bà M chỉ trả được số tiền gốc là 2.500.000 đồng và tiền lãi 5.221.227 đồng.

Đối với khoản vay theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn thì thấy:

Ngoài ra vào ngày 15/3/2021 bà Trần Thị G có ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C theo chương trình cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (mã vay 6600000719809372) số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất: 09%/năm, lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn vay: 60 tháng, kỳ hạn trả nợ: 06 tháng/lần, số tiền trả: 2.000.000 đ/lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15/3/2026, tiền lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 15, mục đích xây dựng công trình nước sạch và nhà vệ sinh.

Từ khi vay cho đến nay bà G, ông T1, bà M có trả tiền lãi cho Ngân hàng được 5.404.936 đồng tuy nhiên chưa thanh toán được khoản tiền gốc nào.

Do bà G, ông T1, bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu hoàn trả tiền vốn và lãi phát sinh. Cụ thể:

Khoản vay Học sinh sinh viên tạm tính đến ngày Tòa án xét xử (ngày 30/6/2025) là 25.074.132 đồng (trong đó tiền gốc là 22.500.000 đồng và tiền lãi là 2.574.132 đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/7/2025 cho đến khi thanh toán xong theo mức thỏa thuận trong hợp đồng.

Khoản vay Nước sạch vệ sinh môi trường tạm tính đến ngày Tòa án xét xử (ngày 30/6/2025) là 22.401.647 đồng (trong đó tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 2.401.647 đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/7/2025 cho đến khi thanh toán xong theo mức thỏa thuận trong hợp đồng.

Thấy rằng vào ngày 12/01/2021 và ngày 15/3/2021 bà G có ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay với Ngân hàng và đã nhận đủ tiền. Việc bà G, ông T1, bà M không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận trả nợ hàng tháng đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bà G, ông T1, bà M. Bà G, ông T1, bà M đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có lời trình bày hay ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án.

Đối với yêu cầu buộc liên đới: Đây là khoản vay xảy ra trong thời kỳ hôn nhân của bà G và ông T1 ngoài ra tại giấy ủy quyền ngày 04/01/2021 ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Trúc M ủy quyền cho bà Trần Thị G đại diện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH có xác nhận của UBND xã L. Đồng thời Tòa án đã tống đạt tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông T1, bà M. Ông T1, bà M đã được thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có lời trình bày hay ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án. Do đó, yêu cầu buộc liên đới của Ngân hàng là có cơ sở và được chấp nhận.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với lời đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước tham gia phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: bà Trần Thị G và ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Trúc M phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải hoàn trả cho Ngân hàng C theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do Ngân hàng C thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí Tòa án và có Đơn xin miễn nộp cho nên không thực hiện việc hoàn lại tạm ứng án phí cho Ngân hàng C

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 463, 466, 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với bà Trần Thị G và ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Trúc M về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Trần Thị G và ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Trúc M có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng C đối với khoản vay theo chương trình cho vay Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn số tiền là 25.074.132 đồng (trong đó tiền gốc là 22.500.000 đồng và tiền lãi là 2.574.132 đồng)

Buộc bà Trần Thị G và ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Trúc M có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng C đối với khoản vay theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền là 22.401.647 đồng (trong đó tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 2.401.647 đồng).

Kể từ ngày 01/7/2025 bà Trần Thị G và ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Trúc M còn phải trả tiền lãi cho Ngân hàng C2 theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận quy định tại sổ vay vốn và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay cho đến khi thi hành xong số nợ trên.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị G và ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Trúc M phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.374.000 đồng.

3/ Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Án văn,
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Thị Thùy Diễm